

Công 12.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1916*/UBND-TNMT
V/v công khai hồ sơ dự thảo kế hoạch
sử dụng đất năm 2019 huyện Tam
Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

Tam Đảo, ngày *23* tháng *11* năm 2018

Kính gửi:

- Các Cơ quan, Đơn vị trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Văn bản số 8402/UBND-NN5 ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc hoàn thiện hồ sơ, dự án công trình HDND tỉnh chấp thuận thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2019;

UBND huyện Tam Đảo tổ chức công khai Hồ sơ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Tam Đảo để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị theo quy định. Hồ sơ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử UBND huyện Tam Đảo tại địa chỉ: <http://tamdao.vinhphuc.gov.vn/>. Hồ sơ bao gồm:

1. Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Tam Đảo.
2. Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Tam Đảo.
3. Hệ thống Bảng, Biểu, Phụ biểu.

Đề nghị các Cơ quan, Đơn vị trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn tham gia ý kiến gửi bằng văn bản đối Hồ sơ dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Tam Đảo về UBND huyện Tam Đảo (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp) **trước ngày 23/12/2018** để tổng hợp theo quy định.

(Chi tiết có 02 phụ biểu kèm theo)

UBND huyện Tam Đảo đề nghị các Cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện được biết và phối hợp thực hiện. *tt*

Nơi nhận

- TT. UBND huyện (báo cáo);
- Như Kính gửi;
- Lưu: VT *cc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Lê Quý Dương
Lê Quý Dương

Phụ biểu số 01: Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2019

(Kèm theo Văn bản số: *3916* /UBND-TNMT ngày *23* /*11*/2018)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2018		Kế hoạch SDD năm 2019		Chênh lệch diện tích (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		23.469,88	100,00	23.469,88	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.403,33	86,93	19.257,09	82,05	-1.146,24
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.713,23	11,56	2.325,97	9,91	-387,26
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.713,23	11,56	2.325,97	9,91	-387,26
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	758,83	3,23	609,56	2,60	-149,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.964,80	8,37	1.899,78	8,09	-65,02
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	414,70	1,77	380,75	1,62	-33,95
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	12.352,43	52,63	12.104,65	51,58	-247,78
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.985,79	8,46	1.685,22	7,18	-300,57
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	93,07	0,40	86,42	0,37	-6,65
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	120,48	0,51	164,74	0,70	44,26
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.040,60	12,96	4.187,79	17,84	1.147,19
2.1	Đất quốc phòng	CQP	249,59	1,06	316,20	1,35	66,61
2.2	Đất an ninh	CAN	218,01	0,93	219,99	0,94	1,98
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	13,24	0,06	192,36	0,82	179,12
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			60,00	0,26	60,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,40	0,13	356,56	1,52	326,16
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	23,76	0,10	29,44	0,13	5,68
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.162,88	4,95	1.463,15	6,23	300,27
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	0,26	0,00	10,41	0,04	10,15
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	8,82	0,04	8,81	0,04	-0,01
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	46,43	0,20	49,68	0,21	3,25

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2018		Kế hoạch SDD năm 2019		Chênh lệch diện tích (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	108,46	0,46	107,98	0,46	-0,48
	Đất giao thông	DGT	651,44	2,78	873,96	3,72	222,52
	Đất thủy lợi	DTL	337,91	1,44	384,23	1,64	46,32
	Đất công trình năng lượng	DNL	1,00	0,00	17,48	0,07	16,48
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,81	0,00	0,85	0,00	0,04
	Đất chợ	DCH	7,75	0,03	9,75	0,04	2,00
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	89,03	0,38	138,90	0,59	49,87
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,78	0,00	6,88	0,03	6,10
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	686,76	2,93	797,76	3,40	111,00
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	4,71	0,02	9,43	0,04	4,72
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,61	0,05	14,54	0,06	2,93
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	18,20	0,08	18,20	0,08	
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,92	0,14	34,62	0,15	2,70
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	52,45	0,22	57,90	0,25	5,45
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	66,14	0,28	128,98	0,55	62,84
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,66	0,07	23,04	0,10	6,38
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,10	0,01	2,10	0,01	
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,12	0,05	15,07	0,06	3,95
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	226,88	0,97	203,31	0,87	-23,57
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	124,15	0,53	99,15	0,42	-25,00
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,00	0,21	0,00	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	25,95	0,11	25,00	0,11	-0,95
4	Đất đô thị*	KDT	210,12	0,90	210,12	0,90	

Ghi chú *: không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

**Phụ biểu số 02: Các danh mục công trình dự án thực hiện trong năm 2019
trên địa bàn huyện Tam Đảo**

“Kèm theo Văn bản số: /CV-TNMT của phòng TN&MT huyện Tam Đảo”

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
*	Đất quốc phòng	66,61	
1	Đất quốc phòng tại TT. Tam Đảo	5,00	TT. Tam Đảo
2	Nhà an dưỡng Cán bộ và Đài quan sát của Bộ Tư lệnh Quân Khu 2 tại thị trấn Tam Đảo	0,08	TT. Tam Đảo
3	Đất tập quân sự	0,56	Xã Bồ Lý
4	Thao trường huấn luyện tổng hợp huyện tại Đồng Bùn xã Tam Quan	5,00	Xã Tam Quan
5	Vành đai an toàn Xí nghiệp 95/Z195 tại thôn Sơn Long	10,00	Xã Hợp Châu
6	Mở rộng thao trường huấn luyện tổng hợp tăng thiết giáp GĐ II	44,80	Xã Minh Quang
7	Mở rộng hành lang an toàn trạm thuật phóng Cam Lâm/Z195	1,17	Xã Minh Quang
*	Đất an ninh	1,98	
1	Mở rộng Trụ sở công an huyện Tam Đảo	1,40	Xã Hợp Châu
2	Cụm Công an Tây Thiên	0,58	Xã Đại Đình
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất		
	...		
	...		
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất	179,12	
1	Khu Công nghiệp Tam Dương II (Khu A) tại xã Hồ Sơn	23,00	Xã Hồ Sơn
2	Khu Công nghiệp Tam Dương II (Khu A) tại xã Tam Quan	32,65	Xã Tam Quan
3	Khu công nghiệp Tam Dương II (Khu B1) tại xã Tam Quan	90,00	Xã Tam Quan
4	Khu Công nghiệp Tam Dương II ((Khu B2) tại xã Tam Quan và xã Đại Đình	33,47	Xã Đại Đình, Xã Tam Quan

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1.2.3	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
	...		
	...		
2	Công trình, dự án cấp huyện		
2.1	<i>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</i>		
*	Đất xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước	3,08	
1	Đất trụ sở cơ quan, CTSN xã Đạo Trù	0,31	Xã Đạo Trù
2	Trụ sở UBND xã Bồ Lý	1,50	Xã Bồ Lý
3	XD trụ sở tiếp công dân huyện	0,27	Xã Hợp Châu
4	Mở rộng trụ sở UBND huyện	0,50	Xã Hợp Châu
5	Mở rộng trụ sở Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Hồ Sơn	0,50	Xã Hồ Sơn
*	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	3,25	
1	Mở rộng trường tiểu học Đại Đình II	0,45	Xã Đại Đình
2	QH mới THCS khu Đồng Liệt sỹ - Sơn Thanh-Đại Đình	2,00	Xã Đại Đình
3	Trường THCS Hợp Châu	0,40	Xã Hợp Châu
4	Trường tiểu học Hợp Châu II	0,40	Xã Hợp Châu
*	Đất cơ sở y tế	0,22	
1	Mở rộng Trạm Y tế xã Bồ Lý	0,22	Xã Bồ Lý
*	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	56,69	
1	Cải tạo khu lưu niệm Bác Hồ	0,20	TT. Tam Đảo
2	Cải tạo, nâng cấp Sở Chỉ huy Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các di tích cách mạng	0,05	TT. Tam Đảo
3	Mở rộng bảo tháp Tây Thiên (thuộc khu Trung tâm lễ hội Tây Thiên)	0,34	Xã Đại Đình
4	Trung tâm VHLH Tây Thiên	48,00	Xã Đại Đình
5	Đất di tích bắn rơi máy bay mỹ tại xã Đạo Trù	4,00	Xã Đạo Trù
6	Nhà tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Tam Đảo	1,60	Xã Hồ Sơn
7	Tượng Đài chiến thắng huyện Tam Đảo	2,50	Xã Hồ Sơn
*	Đất giao thông	244,73	
1	Bãi đỗ xe TT. Tam Đảo	0,25	TT. Tam Đảo
2	Cải tạo đường xuống thác bạc TT. Tam Đảo	0,20	TT. Tam Đảo
3	Cải tạo các tuyến đường nội thị và công viên	2,07	TT. Tam Đảo

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	trung tâm TT. Tam Đảo		
4	ĐA Đường đi dạo trong rừng	1,40	TT. Tam Đảo
5	Cải tạo, nâng cấp QL2B đoạn từ cầu Chân Suối (Km13) đến khu du lịch Tam Đảo 1 (Hạng mục: Cải tạo 4 tuyến đường nội thị và điểm dừng chân ngắm cảnh tại khu du lịch Tam Đảo và hạng mục khu tái định cư)	4,21	TT. Tam Đảo
6	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Đại Đình Cầu Trang (Đường từ TTLH Tây Thiên đi TL302 và cải tạo đường Đại Đình Cầu Trang	11,80	Xã Bồ Lý
7	Cải tạo đường GT liên xã tuyến Bồ Lý - Đại Đình tuyến Ngọc Thụ đi TL302	1,80	Xã Bồ Lý
8	Quy hoạch XD các tuyến đường liên xã Bồ Lý đi Đại Đình	3,15	Xã Bồ Lý
9	Đường nối từ đường Hợp Châu - Đông Tĩnh đến khu danh thắng Tây Thiên huyện Tam Đảo	11,00	Xã Đại Đình
10	Dự án cáp treo Bến Tắm Tây Thiên đi Khu du lịch Tam Đảo 2	2,00	Xã Đại Đình
11	Bến xe điện tại khu trung tâm lễ hội Tây Thiên	1,24	Xã Đại Đình
12	Cải tạo nâng cấp ĐT302 đoạn qua Suối Đình Cả xã Đại Đình huyện Tam Đảo	1,30	Xã Đại Đình
13	Đường từ Thiên viện trúc lâm đi TL302 khu danh thắng Tây Thiên, đoạn từ bến xe P3 ra ĐT.302	12,50	Xã Đại Đình
14	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 302 đi Đền Tụ Nghĩa (Đền Gò) khu danh thắng Tây Thiên	1,00	Xã Đại Đình
15	Bãi đỗ xe Đền Mẫu sinh và Đền Mẫu hóa	2,20	Xã Đại Đình
16	Đường từ Đền Cả Tam Quan vào Đền mẫu Sinh xã Đại Đình	6,92	Xã Đại Đình
17	Đường từ TL302 vào Đền Mẫu Hóa và kết hợp cải tạo nâng cấp đường Đại Đình - Cầu Trang	4,10	Xã Đại Đình
18	Đường nối từ Tây Thiên đến khu du lịch Bến Tắm	6,30	Xã Đại Đình
19	Đường giao thông các thôn xã Đại Đình	2,00	Xã Đại Đình
20	Đường ĐT302 đến Đền Thông khu danh thắng Tây Thiên qua Thiên Viện trúc lâm Tây Thiên	5,80	Xã Đại Đình
21	Đường nội bộ phía nam khu công viên cây xanh, khu Trung tâm VHLH Tây Thiên	1,40	Xã Đại Đình
22	Tuyến đường từ đền Thông đến ngã tư đi Thiên Viện (Thuộc dự án thành phần 2"San nền, đường giao thông, hồ cảnh quan, cây xanh khu trung tâm di tích danh thắng Tây Thiên, huyện Tam Đảo")	0,83	Xã Đại Đình
23	Dự án di dân ra khỏi Vườn quốc gia Tam Đảo	20,00	Xã Đại Đình

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
24	Cầu Đồng Dầu qua suối Đùm xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương	1,10	Xã Đồng Tĩnh (Tam Dương) và Xã Đại Đình (Tam Đảo)
25	Cấp bách cải tạo 3 ngầm tràn tại Km31+800 đến Km32+210 và Km32+380 trên đường tỉnh lộ 302	10,58	Xã Đạo Trù
26	Xử lý sạt lở đường tràn ĐT302- Trại giam Vĩnh Quang (V26) huyện Tam Đảo (KM0 + 995,96)	0,40	Xã Đạo Trù
27	Cải tạo đường từ TL302 vào Hồ Đồng Mỏ	1,20	Xã Đạo Trù
28	Cải tạo nâng cấp QL2B cũ, đoạn từ Km8 - Km11 qua trung tâm huyện lỵ Tam Đảo	4,80	Xã Hợp Châu
29	Đường nối từ điểm giao Hợp Châu - Đồng Tĩnh với ĐT302 đi Tây Thiên, huyện Tam Đảo	0,50	Xã Hợp Châu
30	Đường nối từ QL2B mới đường Hồ Sơn - Quang Hà đi UBND xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo	0,40	Xã Hợp Châu
31	Đường nội thị huyện Tam Đảo, đoạn tuyến từ QL2B mới mặt cắt 42m đến đường quy hoạch mặt cắt 17,5m	0,96	Xã Hợp Châu
32	Đường vành đai phía đông huyện lỵ Tam Đảo (Đoạn nối từ ĐT310 đến QL2B)	23,50	Xã Hợp Châu
33	Đường vành đai phía tây nối từ đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh với ĐT302 đi Tây Thiên huyện Tam Đảo	2,89	Xã Hợp Châu
34	Đường nối từ đường Quang Hà - Xạ Hương với QL2B cũ đi Tam Đảo	5,64	Xã Hợp Châu
35	Đường trung tâm huyện lỵ Tam Đảo, đoạn nối từ QL2B mới (Km8+270) - Đường vành đai phía Đông	0,10	Xã Hợp Châu
36	ĐA đường Minh Quang - Hồ Thanh Lanh	7,69	Xã Minh Quang
37	ĐA đường giao thông từ Tây Thiên đi Tam Sơn, tỉnh Vĩnh Phúc	2,26	Xã Yên Dương
38	Nâng cấp mở rộng đường từ Cầu Bồ Lý - Yên Dương đi Suối lạnh	1,00	Xã Yên Dương
39	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã 3 Quang Đạo đi vực Chuông	1,00	Xã Yên Dương
40	Đường Tây Thiên - Tam Sơn đoạn Tây Thiên đến QL2C	2,80	Xã Yên Dương
41	Đường giao thông huyện Tam Đảo (Tuyến Km 13 QL 2B đi trường Dân tộc nội trú)	3,00	Xã Hồ Sơn
42	Dự án Hệ thống tưới vùng rau Hồ Sơn	0,80	Xã Hồ Sơn
43	Nâng cấp, cải tạo ĐT 309	5,10	Xã Tam Quan
44	Đường nối QL2B cũ đi ĐT302 Đập tràn Cầu Nhội, huyện Tam Đảo	4,06	Xã Hồ Sơn, Xã Hợp Châu

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
45	Cải tạo nâng cấp QL2B mới từ Km2 đến Km13	5,50	Xã Hợp Châu, Xã Hồ Sơn
46	Cải tạo nâng cấp QL2B cũ, đoạn từ Cầu chân suối đến khu Tam Đảo I	24,87	Xã Hồ Sơn, Xã Tam Quan, TT Tam Đảo
47	Đường nối Tam Đảo I đến Tam Đảo II	11,50	TT Tam Đảo, Đại Đình, Tam Quan, Hồ Sơn
48	Dự án Đại Đình - Tam Quan - Hợp Châu, Đoạn Đại Đình - Tam Quan thuộc hệ thống giao thông huyện Tam Đảo	3,96	Xã Đại Đình, xã Tam Quan, xã Hợp Châu
49	Đường giao thông nông thôn, thôn Làng Mấu	0,08	Xã Tam Quan
50	Đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng xã Tam Quan	5,00	Xã Tam Quan
51	Đường nối từ điểm giao Hợp Châu - Đồng Tĩnh với ĐT302 đi Tây Thiên, huyện Tam Đảo (Tuyến nhánh từ cọc A1 km0 + 244,8 đến QL 2 mới)	0,05	Xã Hợp Châu
52	Đường nội thị huyện Tam Đảo, đoạn nối từ QL2B mới với đường vành đai phía đông	0,30	Xã Hợp Châu
53	Đường nối 2B mới với trường Trung học cơ sở và trường Tiểu học Hợp Châu	0,78	Xã Hợp Châu
54	Đường nối từ điểm giao đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh với ĐT.302 đi Tây Thiên, huyện Tam Đảo (đoạn kéo dài với đường vành đai phía đông).	1,59	Xã Hợp Châu
55	Đường nối cầu Đồng Dầu qua suối Đùm, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương với đường Hợp Châu Đồng Tĩnh đến khu danh thắng Tây Thiên, xã Đại Đình, huyện Tam Đảo	4,05	Xã Đại Đình
56	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu Hợp Lý - Yên Dương đến TL302 xã Bồ Lý, huyện Tam Đảo	3,50	Xã Yên Dương, Xã Bồ Lý
57	Khắc phục sự cố tràn Bồ Lý - Yên Dương huyện Tam Đảo bị sạt lở cuốn trôi do ảnh hưởng của cơn bão số 4	0,30	Xã Bồ Lý, Xã Yên Dương
*	Đất thủy lợi	53,56	
1	Cải tạo Suối Mơ TT. Tam Đảo	4,00	TT. Tam Đảo
2	Nâng cấp các tuyến kênh N10 - Đập Vực Chuông; N1-2 Trạm bơm Bồ Ngoài Làng Hạ	0,24	Xã Bồ Lý
3	Cải tạo trạm bơm Yên Hòa Bồ Ngoài - làng hạ	0,40	Xã Bồ Lý
4	QH hệ thống mương nội đồng các thôn	2,06	Xã Bồ Lý
5	QH mở rộng Hồ Ngọc Đỉnh	0,21	Xã Bồ Lý
6	QH mở rộng Hồ Nghĩa Lý (Hồ Cự Mẫn)	0,10	Xã Bồ Lý
7	QH mở rộng Hồ Tám Mấu	0,23	Xã Bồ Lý

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
8	Kè suối lõng sâu Đại Đình	11,20	Xã Đại Đình
9	QH xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng các thôn	2,00	Xã Đại Đình
10	Cải tạo, nâng cấp Hồ Độc Chùa thôn Đại Điền, xã Đại Đình	0,10	Xã Đại Đình
11	Hồ chứa nước Đồng Mỏ	15,00	Xã Đạo Trù
12	Xây dựng hệ thống kênh chính hồ chứa nước Đồng Mỏ huyện Tam Đảo	2,00	Xã Đạo Trù
13	Cải tạo kè Suối Sơn xã Đạo Trù	0,50	Xã Đạo Trù
14	Khắc phục hậu quả cầu suối Sơn xã Đạo Trù	1,00	Xã Đạo Trù
15	Dự án xử lý sạt lở đuôi tràn hồ Vĩnh Thành	2,00	Xã Đạo Trù
16	Dự án xử lý sạt lở đuôi tràn hồ Vĩnh Thành	0,50	Xã Đạo Trù
17	Xây dựng hệ thống kênh chính Hồ chứa nước Đồng Mỏ	2,00	Xã Đạo Trù
18	Kè suối Thông khu vực Tây Thiên, Khu danh thắng Tây Thiên	1,30	Xã Hợp Châu
19	Xây dựng hệ thống dẫn nước từ hồ Xạ Hương về Hồ Làng Hà	1,00	Xã Hồ Sơn
20	Cải tạo hồ Đồng Mít	0,10	Xã Hồ Sơn
21	Dự án di chuyển kênh N7 nguồn từ hồ Làng Hà cấp cho hồ Xó Dù	0,30	Xã Hồ Sơn
22	Cải tạo hệ thống vùng tưới rau an toàn xã Hồ Sơn	0,80	Xã Hồ Sơn
23	Dự án sửa chữa và nâng cấp hồ chứa nước Xạ Hương	1,50	Xã Minh Quang
24	Xây dựng hệ thống mương cứng dẫn nước từ kênh N7	1,30	Xã Tam Quan
25	Cải tạo, nâng cấp 5 công trình tràn trên ĐT 302	0,04	Các xã
26	Dự án Xử lý sạt lở đuôi tràn xả lũ hồ Vĩnh Thành	0,59	Xã Đạo Trù
27	Xây dựng hệ thống kênh chính hồ chứa nước Đồng Mỏ	1,87	Xã Bồ Lý
		0,12	Xã Đại Đình
		1,10	Xã Đạo Trù
*	Đất công trình năng lượng	16,46	
1	Dự án cấp điện cho khu sinh thái cao cấp Tam Đảo 2 - Bến Tắm - Thác 75 giai đoạn 1 tại xã Đại Đình	11,03	Xã Đại Đình
2	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đại Đình 7-250kVA-22/0,4kV để giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Đại Đình
3	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đại Đình 6-320kVA-22/0,4kV để giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Đại Đình

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
4	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV KCN Tam Đảo và các xuất tuyến	0,60	Xã Hợp Châu
5	Xây dựng TBA Hợp Châu 5-250kVA-35/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Hợp Châu
6	Xây dựng đường dây 35kV và TBA Hợp Châu 7-250kVA-35/0,4kV để giảm CQT TBA	0,01	Xã Hợp Châu
7	Xây dựng đường dây 22kV và TBA Hợp Châu 2-250kVA-22/0,4kV để giảm CQT TBA	0,01	Xã Hợp Châu
8	Xây dựng TBA Hợp Châu 6-250kVA-22/0,4kV để giảm TTĐN TBA Hợp Châu	0,01	Xã Hợp Châu
9	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Bá Thiện và TBA 220KV Bá Thiện và các xuất tuyến	0,40	Xã Minh Quang
10	Nhà trực VH và thu tiền điện xã Minh Quang	0,02	Xã Minh Quang
11	Xây dựng đường dây 35kV và trạm biến áp Minh Quang 11-320kVA-35/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Minh Quang
12	Xây dựng TBA Minh Quang 12-250kVA-22/0,4kV để giảm TTĐN TBA Minh Quang 1	0,01	Xã Minh Quang
13	Xây dựng TBA Minh Quang 13-250kVA-35/0,4kV để giảm TTĐN TBA Minh Quang 4 Re 2	0,01	Xã Minh Quang
14	Xây dựng đường dây 35kV và trạm biến áp Minh Quang 10-320kVA-35/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Minh Quang
15	Nhà trực VH và thu tiền điện xã Bồ Lý	0,02	Xã Bồ Lý
16	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Bồ Lý 8-320kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Bồ Lý 1	0,01	Xã Bồ Lý
17	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Bồ Lý 12-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Bồ Lý 2	0,01	Xã Bồ Lý
18	Xây dựng đường dây 10(22)kV và trạm biến áp Bồ Lý 13-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Bồ Lý 4, Bồ Lý 7	0,01	Xã Bồ Lý
19	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Bồ Lý 11-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Bồ Lý
20	CQT Trạm biến áp trung gian Yên Dương	0,01	Xã Bồ Lý
21	Nhà trực VH và thu tiền điện xã Đạo Trù	0,03	Xã Đạo Trù
22	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đạo Trù 13-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Đạo Trù 7	0,01	Xã Đạo Trù
23	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đạo Trù 12-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Đạo Trù 5	0,01	Xã Đạo Trù

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
24	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đạo Trù 16-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Đạo Trù 3	0,01	Xã Đạo Trù
25	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đạo Trù 14-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm TTĐN TBA Đạo Trù 2	0,01	Xã Đạo Trù
26	Nhà trực VH và thu tiền điện xã Tam Quan	0,02	Xã Tam Quan
27	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Hoàng Hoa 4-320kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Hoàng Hoa 3	0,01	Xã Tam Quan
28	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Làng Chanh 2-250kVA-22/0,4kV để giảm TTĐN TBA Làng Chanh, Quan Ngoại	0,01	Xã Tam Quan
29	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đồng Xuân 3-320kVA-22/0,4kV để giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Tam Quan
30	Xây dựng đường dây 22kV và TBA Quan Đình 4-250kVA-22/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Tam Quan
31	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Đồng Xuân 2-250kVA-22/0,4kV để giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Tam Quan
32	Xây dựng đường dây 22kV và TBA Hồ Sơn 10-250kVA-22/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Hồ Sơn
33	Xây dựng TBA TTTT Tam Đảo 5-320kVA-22/0,4kV để giảm CQT TBA TTTT Tam Đảo 2	0,01	Thị trấn Tam Đảo
34	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Thôn 3-250kVA-22/0,4kV để giảm CQT TBA Thôn	0,01	Thị trấn Tam Đảo
35	Xây dựng TBA Trung tâm 5-320kVA-35/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA	0,01	Thị trấn Tam Đảo
36	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Yên Dương 9-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm TTĐN TBA	0,01	Xã Yên Dương
37	Xây dựng đường dây 22kV và trạm biến áp Gò Đầu 3-250kVA-10(22)/0,4kV để giảm CQT, giảm TTĐN TBA Đồng Bùn, Gò Đầu	0,01	Xã Tam Quan, Xã Hồ Sơn
38	Đường dây và TBA 110kVA Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	0,40	Xã Minh Quang, Xã Hợp Châu
39	Đường dây và TBA 110kVA Tam Dương	0,02	Xã Minh Quang, Xã Hợp Châu
40	Cải tạo, nâng cấp điện áp vận hành lộ 973 TG Yên Dương lên 22 kV (Từ cột 31 đến 44 đường trục và các nhánh rẽ)	0,03	Xã Bồ Lý, Xã Đạo Trù, Xã Yên Dương và Xã Hợp Châu
41	CQT Trạm biến áp phân phối khu vực Tam Đảo	0,02	Xã Bồ Lý, xã Đạo

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	năm 2018		Trù
42	Tiến hành dự án mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Vĩnh Phúc (Dự án JICA)	2,32	Các xã và TT
43	Giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện khu vực Miền Bắc (vay vốn ngân hàng tái thiết đức Kfw)	0,05	Các xã và TT
44	Đường dây và TBA 110kV Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	0,90	Các xã; thị trấn
45	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện TBA TG Yên Dương	0,02	Yên Dương; Bồ Lý
46	Xây dựng các TBA Đạo Trù 11, Bồ Lý 8 và Bồ Lý 10 để san tải cho các TBA Đạo Trù 4, Bồ Lý 1 và Bồ Lý 2 - huyện Tam Đảo	0,05	Đạo Trù; Bồ Lý
47	Xây dựng các TBA Tam Đảo 3, Tây Thiên 2 để san tải cho các TBA Thôn 1, TT Thị trấn Tam Đảo, TT thị trấn Tam Đảo 3, Gò Đầu và Thiên Viện- huyện Tam Đảo	0,05	TT Tam Đảo, Đại Đình
48	Xây dựng các TBA sử dụng MBA thu hồi để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm TTĐN khu vực các huyện Lập Thạch, Sông Lô, Tam Dương, Tam Đảo, Vĩnh Tường - Tỉnh Vĩnh Phúc năm 2018	0,03	Các xã; Thị trấn
49	Xây dựng các TBA Đại Đình 14, Đạo Trù 15, Quan Ngoại 8, Đạo Trù 17, Bồ Lý 11 để san tải cho các TBA Đồng Bùa, Gò Đầu, Đạo Trù 5, Hoàng Hoa 3, Quan Ngoại 3, Đạo Trù 7, Bồ Lý 4, Bồ Lý 7- huyện Tam Đảo	0,07	Xã Tam Quan, Đại Đình, Đạo Trù, Bồ Lý
50	Tiểu dự án: Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Vĩnh Phúc (JICA)-thuộc dự án phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2- vay vốn Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản	0,10	Các xã; Thị trấn
*	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,04	
1	Trạm viễn thông, trạm phát sóng thông tin các thôn xã Đại Đình	0,04	Xã Đại Đình
*	Đất bãi thải, xử lý chất thải	6,10	
1	Đất bãi thải xử lý chất thải và nhà vệ sinh công cộng tại TT. Tam Đảo	2,00	TT. Tam Đảo
2	Khu thu gom xử lý rác thải tại xã Hợp Châu	0,25	Xã Hợp Châu
3	QH khu xử lý chôn lấp gia súc, gia cầm chết	0,20	Xã Hợp Châu
4	Quy hoạch bãi rác khu Đồng Mỏ	0,05	Xã Đạo Trù
5	QH bãi tập kết rác thải tạm thời tại thôn Trại Mới	0,30	Xã Đại Đình
6	QH bãi rác thải khu Đồng Diệt, thôn Sơn Đình	1,00	Xã Đại Đình
7	QH bãi thải xử lý chất thải rắn khu Đồng Lò	2,00	Xã Đại Đình

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	gạch, thôn Đại Điền		
8	Quy hoạch điểm thu gom rác Làng Mạ	0,10	Xã Tam Quan
9	QH bãi rác thải, xử lý chất thải xã Bồ Lý	0,10	Xã Bồ Lý
10	Quy hoạch lò đốt rác thôn Quan Đình	0,10	Xã Tam Quan
*	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,75	
1	Mở rộng NVH thôn Yên Hòa	0,20	Xã Bồ Lý
2	Mở rộng NVH thôn Nghĩa Lý	0,20	Xã Bồ Lý
3	Mở rộng NVH thôn Cầu Trang	0,37	Xã Bồ Lý
4	Mở rộng NVH thôn Ngọc Thụ	0,20	Xã Bồ Lý
5	Mở rộng NVH thôn Tân Lập	0,22	Xã Bồ Lý
6	Mở rộng NVH thôn Bồ Ngoài	0,20	Xã Bồ Lý
7	TT Văn hóa thể thao xã Đại Đình	0,30	Xã Đại Đình
8	QH nhà VH thôn Sơn Đình	0,15	Xã Đại Đình
9	QH đất NVH thôn Đồi Thông xã Đại Đình	0,23	Xã Đại Đình
10	Trung tâm VHTT xã	1,00	Xã Đạo Trù
11	Làng Văn hóa du lịch cộng đồng gắn với nhà văn hóa trọng điểm thôn Đạo Trù Thượng	2,00	Xã Đạo Trù
12	Mở rộng NVH thôn Phân Lân Hạ	0,05	Xã Đạo Trù
13	Mở rộng NVH thôn Tân Tiến	0,05	Xã Đạo Trù
14	Mở rộng NVH thôn Xóm Gò	0,05	Xã Đạo Trù
15	Mở rộng NVH thôn Tiên Long	0,02	Xã Đạo Trù
16	Mở rộng NVH thôn Phân Lân Thượng	0,02	Xã Đạo Trù
17	Nhà văn hóa thôn Tích Cực	0,16	Xã Hợp Châu
18	Nhà văn hóa thôn Sơn Long	0,06	Xã Hợp Châu
19	Nhà văn hóa thôn Cửu Yên 1	0,15	Xã Hợp Châu
20	Nhà Văn hóa thôn Hợp Thành	0,20	Xã Hợp Châu
21	QH Nhà văn hóa thôn Ấp Đồn	0,10	Xã Đạo Trù
22	QH nhà văn hóa Giáp Giang	0,05	Xã Đạo Trù
23	Mở rộng trung tâm văn hóa thể thao xã Minh Quang	0,50	Xã Minh Quang
24	Mở rộng Nhà văn hóa thôn Làng Mạ, xã Tam Quan, huyện Tam Đảo	0,11	Xã Tam Quan
25	Mở rộng Nhà văn hóa thôn Kiên Tráng, xã Tam Quan, huyện Tam Đảo	0,07	Xã Tam Quan
26	Mở rộng Nhà văn hóa thôn Phố Chợ, xã Tam Quan, huyện Tam Đảo	0,09	Xã Tam Quan

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
*	Đất cơ sở tôn giáo	2,70	
1	Quy hoạch Chùa Giao Sơn Thiên Tự	1,50	Xã Bồ Lý
2	Xây dựng chùa Thiên Ân	1,20	Xã Đại Đình
*	Đất cơ sở tín ngưỡng	3,95	
1	Mở rộng Đền đức Thánh Trần và bà Chúa Thượng Ngàn	0,60	TT. Tam Đảo
2	Quy hoạch mở rộng Đền Mẫu hóa, Đền Mẫu sinh	0,20	Xã Đại Đình
3	QH mở rộng Đền Cậu khu danh thắng Tây Thiên	0,15	Xã Đại Đình
4	QH mở rộng Đền Ngò Đại Đình	1,00	Xã Đại Đình
5	Mở rộng khuôn viên Đền Trình	0,50	Xã Tam Quan
6	Mở rộng khuôn viên Đền Chân Suối	1,50	Xã Hồ Sơn
*	Đất chợ	2,25	
1	QH chợ Đại Đình	0,50	Xã Đại Đình
2	Chợ Đạo Trù	0,50	Xã Đạo Trù
3	QH mở rộng chợ Hợp Châu	0,20	Xã Hợp Châu
4	Chợ Đồng Cà	0,30	Xã Bồ Lý
5	Chợ thị trấn Tam Đảo	0,15	TT. Tam Đảo
6	Chợ NTM xã Yên Dương	0,60	Xã Yên Dương
*	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,50	
1	Đất nghĩa địa thôn Núc Hạ	1,50	Xã Hồ Sơn
2	Quy hoạch nghĩa trang nhân dân các thôn xã Đại Đình	3,00	Xã Đại Đình
3	Nghĩa trang nhân dân Minh Hồng	1,00	Xã Minh Quang
*	Đất cơ sở văn hóa	10,15	
1	Đài quan sát tại những điểm cao thị trấn Tam Đảo	0,15	TT. Tam Đảo
2	Xây dựng bảo tàng Tây Thiên	1,00	Xã Đại Đình
3	Khu công viên cây xanh trung tâm huyện Tam Đảo	9,00	Xã Hợp Châu
*	Đất ở tại đô thị	4,92	
1	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở trong các khu dân cư phục vụ các Dự án TĐC, nhà nước thu hồi đất	2,87	TT. Tam Đảo
2	Mở rộng nhà ở doanh trại cán bộ chiến sỹ thuộc Nhà nghỉ dưỡng Tam Đảo - Bộ Công an	0,05	TT. Tam Đảo
3	Khu tái định cư phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp	2,00	TT Tam Đảo

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	QL2B đoạn từ Cầu chân suối (km13 đến khu du lịch Tam Đào I)		
*	Đất ở tái định cư	0,00	
*	Đất ở tại nông thôn	181,94	
1	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở trong các khu dân cư	0,43	Xã Bồ Lý
2	QH đất ở xen ghép trong các khu dân cư hiện hữu	2,50	Xã Bồ Lý
3	Đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá QSD đất thôn Tây Sơn	4,85	Xã Bồ Lý
4	Đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá QSD đất thôn Trại Mái	1,00	Xã Bồ Lý
5	Đất dịch vụ, đấu giá, giãn dân thôn Bồ Trong	1,80	Xã Bồ Lý
6	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở trong các khu dân cư	1,93	Xã Đạo Trù
7	Đất ở khu Thào Cóc, thôn Đồng Giếng	1,00	Xã Đạo Trù
8	Đất dịch vụ, đấu giá, giãn dân thôn Vĩnh Ninh	0,28	Xã Đạo Trù
9	Đất dịch vụ, đấu giá, giãn dân thôn Tân Tiến	0,07	Xã Đạo Trù
10	Đất dịch vụ, đấu giá, giãn dân thôn Tiên Long	0,70	Xã Đạo Trù
11	QH đất dịch vụ, đấu giá, TĐC, giãn dân khu vực thôn Lũng Sâu xã Đại Đình	1,50	Xã Đại Đình
12	Đất dịch vụ, tái định cư, giãn dân, đấu giá Khu Đồng Lĩnh-Áp Đồn	2,80	Xã Đại Đình
13	Đất dịch vụ, tái định cư, giãn dân, đấu giá Bưu điện văn hóa xã- Ao Quạ	2,50	Xã Đại Đình
14	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn ao sang đất ở trong các khu dân cư	1,84	Xã Đại Đình
15	Khu đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá quyền sử dụng đất tại khu vực Kiểm Lâm đi Đại Điền-Hữu Tài, thôn Sơn Thanh, xã Đại Đình, huyện Tam Đảo	6,60	Xã Đại Đình
16	Khu đất TĐC phục vụ dự án đường nối điểm giao đường Hợp Châu - Đồng Tỉnh với ĐT302 đi Tây Thiên huyện Tam Đảo	0,80	Xã Đại Đình
17	Bổ sung khu TĐC cư thực hiện DA khu TT.VHLH Tây Thiên	2,10	Xã Đại Đình
18	QH khu đất đấu giá, dịch vụ, giãn dân, khu Bảo Phác xã Hợp Châu (Đường Hợp Châu -Đồng Tỉnh)	1,00	Xã Hợp Châu
19	Khu đất đấu giá, tái định cư thôn Tích Cực	0,61	Xã Hợp Châu

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
20	Khu đất đầu giá QL2B mới	1,70	Xã Hợp Châu
21	Khu đất đầu giá giãn dân thôn Yên Trung	1,00	Xã Hợp Châu
22	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở trong các khu dân cư	1,93	Xã Hợp Châu
23	Khu đất TĐC, giãn dân đầu giá QSD đất tại thôn Sơn Long xã Hợp Châu	1,61	Xã Hợp Châu
24	Khu đất dịch vụ, tái định cư, giãn dân, đầu giá QSDĐ xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo	0,46	Xã Hợp Châu
25	Khu tái định cư cho các hộ dân phải di dời ra khỏi vành đai an toàn Xí nghiệp 95/Z195 (Khu đồng vùng 2, đồng vùng 3)	6,50	Xã Hợp Châu
26	Bổ sung giai đoạn 2 khu đất 55 ô đất dịch vụ tại xã Hợp Châu	0,40	Xã Hợp Châu
27	Đất dịch vụ, giãn dân khu trung tâm huyện	1,90	Xã Hợp Châu
28	Đất dịch vụ, đầu giá, giãn dân thôn Bảo Phác	1,50	Xã Hợp Châu
29	Đất dịch vụ, đầu giá, giãn dân thôn Yên Trung	1,13	Xã Hợp Châu
30	Đất dịch vụ, đầu giá, giãn dân thôn Đồi Thông	2,00	Xã Hợp Châu
31	Khu đất giãn dân thôn Sơn Đồng	1,20	Xã Hồ Sơn
32	QH đất ở dịch vụ thôn Núc Thượng	1,26	Xã Hồ Sơn
33	Khu đất dịch vụ, đầu giá, giãn dân thôn Tân Long	0,27	Xã Hồ Sơn
34	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở trong các khu dân cư	0,72	Xã Hồ Sơn
35	QH đất TĐC khu CN Tam Dương II	3,50	Xã Hồ Sơn
36	Khu đất dịch vụ, giãn dân đầu giá quyền sử dụng đất tại xứ đồng Năm Tấn, thôn Núc Hạ	1,80	Xã Hồ Sơn
37	Đất dịch vụ, giãn dân, đầu giá QSD đất thôn Lồng Cháy xã Minh Quang	2,88	Xã Minh Quang
38	Khu đất ở cho cán bộ chiến sỹ trung tâm huấn luyện tổng hợp tăng thiết giáp và nhân dân xã Minh Quang, huyện Tam Đảo	2,20	Xã Minh Quang
39	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở trong các khu dân cư	1,95	Xã Minh Quang
40	Đất dịch vụ, giãn dân khu Trại Khổng	2,00	Xã Minh Quang
41	Khu TĐC mở rộng trạm thuật phóng Z195	0,05	Xã Minh Quang
42	Khu TĐC nhà máy thuốc nổ nhũ tương Z195	0,30	Xã Minh Quang
43	Đất dịch vụ, đầu giá, giãn dân thôn Đầu Vai - Vực Lựu (giai đoạn 2)	2,50	Xã Minh Quang
44	Quy hoạch đất đầu giá khu Đồng Nương Non	0,95	Xã Tam Quan
45	QH đất đầu giá Đồng Dương thôn Quan Nội xã Tam Quan	1,55	Xã Tam Quan

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
46	QH đất đầu giá thôn Đồng Vàng thôn Nhân Lý xã Tam Quan	1,50	Xã Tam Quan
47	Quy hoạch khu đầu giá Đồng Đay thôn Nhân Lý- Tam Quan	1,00	Xã Tam Quan
48	Quy hoạch đất đầu giá khu Cầu Vân thôn làng Mạ	1,27	Xã Tam Quan
49	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn ao, đất RSX sang đất ở	0,80	Xã Tam Quan
50	Đất đầu giá khu trạm y tế cũ	0,16	Xã Tam Quan
51	QH đất dịch vụ đầu giá khu Đồng Cây Quân thôn Kiên Tháp	0,95	Xã Tam Quan
52	Khu đất giãn dân, đất đầu giá quyền sử dụng đất, đất tái định cư	3,57	TT. Tam Đảo; Xã Tam Quan
53	Đất TĐC khu công nghiệp Tam Dương II Khu A	3,00	Xã Tam Quan
54	Đất TĐC khu công nghiệp Tam Dương II Khu B	9,00	Xã Tam Quan
55	Đất dịch vụ, đầu giá khu Đồng Ngóc - thôn Kiên Tràng	3,10	Xã Tam Quan
56	Đất dịch vụ, đầu giá khu Dộc Kẽm - thôn Làng Mạ	1,00	Xã Tam Quan
57	Chuyển mục đích sử dụng đất, từ đất vườn sang đất ở trong các khu dân cư.	0,91	Xã Yên Dương
58	Quy hoạch đất đầu giá, dịch vụ, giãn dân tại khu vực Nền cụ Đàng thôn Đồng Thành xã Yên Dương	2,50	Xã Yên Dương
59	QH khu tái định cư phục vụ dự án Khu du lịch Tam Đảo 2- Bến Tắm - Thác 75	5,00	Xã Đại Đình, Xã Đạo Trù
60	Khu Tái định cư thôn Cừu Yên, xã Hợp Châu và thôn Làng Mấu, xã Tam Quan phục vụ GPMB khu Công nghiệp Tam Dương II	2,90	Xã Hợp Châu, Xã Tam Quan
61	Đất tái định cư, giãn dân phục vụ tái định cư dự án cải tạo QL2B	1,42	Hợp Châu, Hồ Sơn, TT Tam Đảo
62	Đất ở giãn dân khu đồng Trạm Bom, thôn Quang Sơn	3,00	Xã Minh Quang
63	Chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở	6,00	Xã Minh Quang
64	QH đất ở khu dân cư thôn Áp Đồn	0,25	Xã Đại Đình
65	Chuyển mục đích đất từ đất chợ cũ (thôn Trại Mới) sang đất ở khu dân cư thôn trại mới	0,25	Xã Đại Đình
66	Chuyển mục đích sử dụng đất (Công ty Lâm nghiệp Lập Thạch) sang đất ở và cây lâu năm (Trong đó: ONT 0,30 ha ; CLN 21,20 ha)	21,50	Xã Đại Đình
67	Khu đất dịch vụ, tái định cư, đất giãn dân, đầu giá, giao đất ở (giãn dân) tại xứ đồng Cửa Đình, thôn Cầu Tre, xã Hồ Sơn, Huyện Tam Đảo	2,57	Xã Hồ Sơn

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
68	Đất ở giãn dân Đồng Bả	0,71	Xã Hồ Sơn
69	QH đất ở thôn Yên Chung	1,50	Xã Tam Quan
70	QH đất đấu giá khu Lò Gạch, thôn Kiên Tràng	1,45	Xã Tam Quan
71	Chuyển mục đích đất RSX, đất vườn ao sang đất thổ cư	5,00	Xã Tam Quan
72	QH đất dịch vụ, đấu giá, giãn dân khu Cầu Tranh, Làng Chanh	2,00	Xã Tam Quan
73	Đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá khu đồng Nhà thôn Quan Nội	3,50	Xã Tam Quan
74	Đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá đồng Dộc Hin, Giếng Thuần, thôn Làng Mạ	2,00	Xã Tam Quan
75	Đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá khu đồng Xó Muồng + Hội trường thôn Quảng	2,00	Xã Tam Quan
76	Đất đấu giá, giãn dân khu vực đồng Trạm xá, thôn Làng Chanh + thôn Quảng	1,50	Xã Tam Quan
77	Đất đấu giá, giãn dân khu vực đồng Tàu, thôn Quan Ngoại	1,40	Xã Tam Quan
78	Đất dịch vụ, đấu giá TĐC, giãn dân tại khu vực sân bóng, thôn Bô Trong, xã Bô Lý	0,48	Xã Bô Lý
79	Hạ tầng khu đất tái định cư, đất đấu giá phục vụ các dự án trọng điểm trên địa bàn các xã Hợp Châu, Hồ Sơn	4,90	Xã Hợp Châu, Xã Hồ Sơn
80	Đất ở thôn Yên Phú	1,30	Xã Yên Dương
81	Đất ở thôn Đồng Pheo	0,18	Xã Yên Dương
82	Đất ở thôn Đồng Cà	1,50	Xã Yên Dương
83	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất ở trong khu dân cư	2,50	Xã Yên Dương
*	Đất cụm công nghiệp	60,00	
1	Nhà máy sản xuất sữa tươi và các sản phẩm từ sữa - thuộc cụm Công nghiệp	10,00	Xã Tam Quan
2	Xây dựng hạ tầng khu đất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa - thuộc cụm công nghiệp	10,00	Xã Hồ Sơn
3	Cụm công nghiệp và TTCN tại xã Hợp Châu	40,00	Xã Hợp Châu
2.2	<i>Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất</i>		
*	Đất thương mại, dịch vụ	434,73	
1	Đất sản xuất kinh doanh	10,00	TT. Tam Đảo
2	Dự án kinh doanh xăng dầu tại thị trấn Tam Đảo	0,10	TT. Tam Đảo
3	Khu du lịch Đình Mỏ Quạ TT. Tam Đảo	2,50	TT. Tam Đảo
4	Đất sản xuất kinh doanh của Công ty Phong	0,10	TT. Tam Đảo

